

Một số cách tiếp cận trong nghiên cứu hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội

Đặng Thị Hoa, Nguyễn Hà Đông

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Tiếp cận nghiên cứu hôn nhân xuyên biên giới dưới góc độ văn hóa và phát triển xã hội là một góc nhìn riêng trong bối cảnh hội nhập và phát triển. Trên cơ sở những nghiên cứu về chủ đề này, bài viết đề cập tới một số khái niệm về hôn nhân xuyên biên giới, các quan điểm nghiên cứu tiếp cận dưới góc độ văn hóa tộc người và phát triển xã hội, những quan điểm lý thuyết dưới các góc nhìn của các nhà nhân học, xã hội học trong nghiên cứu về hôn nhân xuyên biên giới và liên hệ thực tiễn với đặc điểm ở Việt Nam. Xem xét với nội hàm khái niệm hôn nhân xuyên biên giới là các cuộc hôn nhân giữa những người ở các quốc gia có chung đường biên giới, tác giả cho rằng hôn nhân xuyên biên giới đang có xu hướng gia tăng trong bối cảnh phát triển, toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay, và dưới góc độ phát triển xã hội, một mặt, nó tăng cường sự giao lưu, hợp tác và phát triển của các cộng đồng dân tộc hai bên biên giới, mở rộng và phát triển quan hệ văn hoá, khai thác các thế mạnh về tài nguyên văn hoá để phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, nhưng mặt khác lại đang diễn ra hết sức phức tạp, đặt ra những vấn đề mới trong quản lý và phát triển xã hội.

Từ khóa: Hôn nhân; Xuyên biên giới; Văn hóa; Xã hội; Phát triển; Tiếp cận; Lý thuyết.

1. Khái niệm hôn nhân xuyên biên giới

Hôn nhân xuyên biên giới là thuật ngữ được các nhà khoa học đưa ra từ những năm cuối của thế kỷ XX. Tuy nhiên, cho đến nay, đã có nhiều cách hiểu về khái niệm này. Khác với hôn nhân quốc tế - hôn nhân giữa những người có quốc tịch khác nhau được công nhận bởi nhà nước, hôn nhân xuyên biên giới nhấn mạnh đến ranh giới về mặt địa lý, nhà nước, chủng tộc, tầng lớp, văn hóa được thiết lập trong một quốc gia hoặc giữa các quốc gia có chung đường biên giới. Do vậy, khái niệm hôn nhân xuyên biên giới được mở rộng cả về mặt lãnh thổ địa lý và ranh giới về văn hóa tộc người, tầng lớp trong xã hội. Hôn nhân xuyên biên giới chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó chủ yếu là đặc trưng văn hóa tộc người và các vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị, luật pháp tác động nhiều chiều đến các cuộc hôn nhân và luôn đặt ra những vấn đề mới trong quản lý và phát triển xã hội.

Khái niệm hôn nhân xuyên biên giới nhấn mạnh đến ranh giới về mặt địa lý, nhà nước, chủng tộc, tầng lớp, giới và văn hoá được thiết lập trong phạm vi của nước nhập cư. Những ranh giới này do nhà nước và các chủ thể xã hội khác tạo ra nhằm phân biệt giữa “nước này” và “các nước khác” (Melody Chia - Wen Lu, 2007). Theo định nghĩa này, khái niệm biên giới trong hôn nhân xuyên biên giới có thể là biên giới về mặt lãnh thổ địa lý nhưng cũng có thể là ranh giới về văn hoá, tầng lớp. Hôn nhân xuyên biên giới vừa là sự kết thúc vừa là sự khởi đầu - khởi đầu cho những kết thúc khác.

Theo Lucy Williams và Mei-Kuei Yu, thuật ngữ hôn nhân xuyên biên giới bao gồm những cuộc hôn nhân giữa các tộc người ở các nền văn hoá, các tộc người trong cùng một nền văn hoá, tộc người ở hai quốc gia. Thuật ngữ này nhấn mạnh đến tính chất xuyên biên giới và đây chính là điều khác biệt của hình thức kết hôn này so với các hình thức kết hôn khác cũng phải vượt qua rào cản về không gian địa lý nhưng không phải là biên giới. Theo định nghĩa này, khái niệm hôn nhân xuyên biên giới có thể diễn ra giữa những người ở các nước có chung biên giới hoặc không chung biên giới (Lucy Williams & Mei-Kuei Yu, 2006).

Trong nghiên cứu này, chúng tôi xác định nội hàm khái niệm hôn nhân xuyên biên giới là các cuộc hôn nhân giữa những người ở các quốc gia có chung đường biên giới. Các cuộc hôn nhân xuyên biên giới có thể được công nhận về mặt nhà nước nhưng cũng có thể được thừa nhận bởi phong tục tập quán tộc người và được hình thành bởi các mối quan hệ tộc người, giữa các tộc người có chung nền văn hoá hay từ các tương tác xã hội xuyên biên giới.

2. Tiếp cận nghiên cứu từ góc độ văn hoá

Dưới góc độ nhân học, nghiên cứu về hôn nhân xuyên biên giới được đặt ra chủ yếu ở góc độ văn hoá tộc người và văn hoá vùng. Do vậy trong giới hạn bài viết này, chúng tôi nêu một số quan điểm lý thuyết trong nghiên cứu hôn nhân xuyên biên giới tiếp cận từ góc độ văn hoá.

Lý thuyết về biên giới

Lý thuyết vùng biên giới được đưa ra với quan điểm những vấn đề của cư dân vùng biên thường vượt qua các giới hạn quản lý của nhà nước. Các quy định của nhà nước thường được thực hiện đan xen với những quy định của địa phương trong phạm vi và sự điều hành của những người có vai trò ở các địa phương trong hoạt động quản lý. Các hoạt động của cư dân vùng biên giới thường theo tập quán, đặc trưng văn hoá và ít tuân theo những áp đặt của nhà nước (Andrew Walker, 1999). Do vậy, sự kiểm soát không chặt chẽ của nhà nước cùng với sự đan xen về văn hóa ở vùng biên giới là cơ hội tốt cho các cuộc hôn nhân xuyên biên giới (Matthew Amster, 2005).

Các nghiên cứu nhân học về biên giới tập trung vào các vấn đề quan hệ chính trị trong mối quan hệ ranh giới quốc tế, bản sắc dân tộc, vai trò của nhà nước trong mối quan hệ với người dân ở vùng biên giới thông qua các trường hợp kết hôn xuyên biên giới...

Theo quan điểm của các nhà nhân học, vùng biên giới là vùng tiếp xúc giữa các nền văn hóa nên có quần thể văn hóa và xã hội hết sức đa dạng. Vùng biên giới được hiểu là khu vực có đường biên giới về mặt hành chính nhưng lại là điểm giao thoa, chồng lấn với một vùng văn hóa tộc người mà ở đó, vùng văn hóa tộc người lại không trùng với biên giới quốc gia, lãnh thổ. Mặc dù chịu sự kiểm soát chặt chẽ của nhà nước nhưng các nhóm dân cư địa phương ở vùng biên lại bị tác động mạnh mẽ bởi các yếu tố văn hóa, xã hội của bên ngoài. Do vậy, về mặt văn hóa, vùng biên giới là cái màng có thể thấm qua không cân xứng giữa các cá nhân, tri thức văn hóa, các tập quán và các tương tác bởi các mạng lưới xã hội. Trong khi đó, sự kiểm soát của nhà nước mới chỉ hạn chế sự di chuyển của con người, hàng hóa, vốn mà không ngăn chặn được tất cả các mặt về văn hóa. Nét nổi bật ở vùng biên giới là hầu hết những cộng đồng tộc người cư trú lâu đời hai bên biên giới có quan hệ mật thiết với nhau. Trong lịch sử, hiện tượng này diễn ra một cách tự nhiên và hầu như rất ít bị ngăn cấm. Trong giai đoạn hiện đại, biên giới quốc gia ngày càng được kiểm soát chặt chẽ, do vậy các mối quan hệ thăm thân qua lại biên giới bị thắt chặt hơn. Tuy

nhiên, trên thực tế, sự kiểm soát của chính quyền chủ yếu mang tính chất hành chính, không thể ngăn chặn một cách tuyệt đối các mối quan hệ thâm thân của những cộng đồng cư dân (nhất là đồng tộc) sống ở hai bên biên giới. Rõ ràng, biên giới về mặt lãnh thổ, chính trị không ngăn cản được các tương tác xã hội, sự trao đổi của các nhóm người sống ở vùng biên. “Văn hoá vùng biên gần như đã vượt qua giới hạn của nhà nước, của biên giới về lãnh thổ, địa lý. Văn hoá không chỉ kết nối con người và các thiết chế trong nội bộ một đất nước mà còn gắn kết với những đất nước khác” (Hastings Donnan & Thomas Wilson, 1999:12).

Ở các vùng biên giới thường xuất hiện các hiện tượng văn hoá xuyên biên giới, do cùng một tộc người, một cộng đồng bị chia tách vào hai thực thể chính trị khác nhau trong khi họ vẫn có những mối liên hệ mật thiết với trong trong đời sống sinh hoạt thường ngày. Văn hoá xuyên biên giới do các dân tộc có chung một nguồn gốc, chung những nét đặc trưng văn hoá cùng duy trì và phát triển. Do vậy, văn hoá vùng biên giới mang tính đặc thù tại khu vực tộc người nằm ở biên giới giữa hai nước.

Lý thuyết về biên giới trong nghiên cứu hôn nhân xuyên biên giới được đặt ra trong bối cảnh các cuộc hôn nhân xuyên biên giới vẫn tiếp tục diễn ra theo cách mà người dân địa phương lựa chọn. Cùng cư trú trên địa bàn, có chung những đặc trưng văn hoá và rất gần gũi nhau trong phong tục tập quán, các cuộc hôn nhân xuyên biên giới luôn diễn ra nằm ngoài sự kiểm soát của nhà nước. Các cuộc hôn nhân này thường là kết quả của những tương tác văn hoá, tương tác xã hội xuyên biên giới, nó vừa là sự kết thúc của các mối quan hệ, tương tác nhưng nó cũng là sự khởi đầu cho các mối quan hệ mới. Khởi đầu của cuộc hôn nhân xuyên biên giới là bắt đầu cho những chu kỳ mới trong các mối quan hệ tộc người xuyên biên giới.

Lý thuyết bản sắc văn hoá

Thuyết bản sắc văn hoá được F. Boas đưa ra nhằm nhấn mạnh tính đặc thù văn hoá tộc người. Theo quan điểm này, các nhà nghiên cứu thường nhấn mạnh đến những bản sắc riêng trong văn hoá của mỗi cộng đồng tộc người. Các nhà nhân học cho rằng hôn nhân xuyên biên giới có thể diễn ra trong nội bộ của một cộng đồng tộc người (intra-community marriages) hay giữa các cộng đồng tộc người (inter-community marriages). Hôn nhân trong nội bộ cộng đồng tộc người diễn ra giữa những người đến từ một nền văn hóa gốc, một cộng đồng tộc người gốc (Williams Lucy, 2010: 52-53, 105), chẳng hạn, các cuộc hôn nhân diễn ra giữa những người thuộc trong cùng một cộng đồng tộc người, có thể ở một bên hoặc ở cả hai bên biên giới. Hôn nhân liên cộng đồng diễn ra giữa những người đến

từ những nền văn hóa khác nhau, các cộng đồng tộc người khác nhau (Williams Lucy, 2010: 120). Các cuộc hôn nhân này diễn ra giữa các cộng đồng tộc người khác nhau cùng cư trú ở vùng biên giới hoặc có thể có mối liên hệ thường xuyên với nhau ở các nước lân cận nhau hay nói cách khác là giữa những nền văn hóa đang có xu hướng trộn lẫn vào nhau. Đó là những cuộc hôn nhân bắt nguồn từ những phong tục tập quán địa phương hay bởi các mạng lưới xã hội.

Theo quan điểm về bản sắc văn hoá tộc người, các cuộc hôn nhân xuyên biên giới được diễn ra là một tất yếu bởi trong quá trình phát triển, văn hóa tộc người bao trùm lên vùng biên giới và theo đó, nền văn hóa tộc người được coi là nền tảng vững chắc để hình thành các cuộc hôn nhân thông qua các mối quan hệ thân tộc, gia đình, quan hệ cộng đồng, các tương tác xã hội của các cộng đồng tộc người ở vùng biên giới. Những trường hợp kết hôn xuyên biên giới ở vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam – Lào và Việt Nam – Campuchia là những minh chứng cụ thể cho quan điểm này. Trên thực tế, các cuộc hôn nhân xuyên biên giới không chỉ xuất phát từ nhu cầu kinh tế mà còn xuất phát từ sự lựa chọn mô hình bạn đời lý tưởng. Theo Caroline Grillot, yếu tố kinh tế chưa đủ giải thích hôn nhân xuyên biên giới. Ranh giới về địa lý thường không mạnh bằng biên giới về xã hội và cách thức trong đó các cộng đồng tộc người tương tác với nhau, cách thức họ đánh giá, xây dựng, thể hiện và định nghĩa chính họ trong sự phân biệt với những nhóm người khác, ảnh hưởng đến sự lựa chọn và tình trạng sống của họ ở những vùng đặc biệt như vùng biên. Trong trường hợp biên giới Việt Nam- Trung Quốc, yếu tố nghèo đói và nhân khẩu học không đủ để giải thích tại sao người phụ nữ Việt Nam kết hôn với đàn ông Trung Quốc. Những cư dân sống dọc biên giới hai nước bị ảnh hưởng bởi những hình ảnh, biểu tượng và tin đồn về nhau (Caroline Grillot, 2012:36). Do vậy, nghiên cứu về hôn nhân xuyên biên giới cần phải đặt trong các bối cảnh văn hoá tộc người.

3. Tiếp cận từ góc độ phát triển xã hội

Nghiên cứu hôn nhân xuyên biên giới dưới góc độ phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội, chúng tôi đưa ra một số quan điểm nghiên cứu sau.

Lý thuyết về di cư với phát triển xã hội

Cách tiếp cận phát triển xã hội trong nghiên cứu hôn nhân xuyên quốc gia chủ yếu được đề cập đến trong bối cảnh vấn đề di cư quốc tế và phát triển đang là một chủ đề quan trọng. Nicola Piper (2009) cho rằng tiếp cận

di cư dưới góc độ kinh tế vẫn đóng vai trò chủ đạo trong những tranh luận hiện nay và người di cư chủ yếu được nhìn nhận là chủ thể hành động mang tính kinh tế hơn là chủ thể hành động mang tính chính trị - xã hội.

Cách tiếp cận này đã được Mizanur Rahman (2009) sử dụng thành công tìm hiểu tác động của di cư đến sự phát triển xã hội trong một nghiên cứu lịch đại về các hệ quả xã hội của gia đình có người di cư ở Gurail, Bangladesh. Nghiên cứu này được xem như nỗ lực ban đầu nhằm cụ thể hoá các tác động của di cư - dưới góc độ một quá trình xã hội - đến cộng đồng xuất cư bao gồm cả các tác động về xã hội, chính sách và kinh tế. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng tác động của di cư diễn ra trong một quá trình và rất nhiều biến đổi về mặt xã hội và các quan hệ trong phạm vi gia đình và cộng đồng đã được ghi nhận (Mizanur Rahman, 2009). Bên cạnh đó, nghiên cứu về hôn nhân xuyên biên giới cũng được đặt ra khi nghiên cứu các mạng lưới xã hội, những ý nghĩa xã hội của người kết hôn ảnh hưởng tới cộng đồng của họ nơi đi. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng, ngoài lợi ích về kinh tế cho phát triển xã hội, các cuộc di cư có ảnh hưởng quan trọng đối với mối quan hệ giữa giới và quyền lực trong gia đình đối với vấn đề hôn nhân ở địa phương.

Dưới góc độ hôn nhân xuyên biên giới, nghiên cứu của Daniele Belanger & Tran Giang Linh (2011) đã áp dụng cách tiếp cận này để tìm hiểu sự thay đổi hệ giá trị trong cộng đồng dưới tác động của hôn nhân xuyên biên giới ở Việt Nam. Nghiên cứu này cho thấy di cư quốc tế nói chung và hôn nhân xuyên biên giới nói riêng của phụ nữ là một yếu tố có tác động đáng kể đến sự biến đổi chuẩn mực giới và các quan hệ giới ở các nước đi. Hôn nhân xuyên biên giới nói riêng và di cư quốc tế nói chung đã làm giảm bất bình đẳng giới và cải thiện địa vị của người phụ nữ trong gia đình. Sự thay đổi này gắn liền với sự gia tăng địa vị của người phụ nữ (kết hôn xuyên biên giới) trong cộng đồng họ đã sinh ra. Hôn nhân chịu ảnh hưởng bởi các mối quan hệ về kinh tế và điều kiện, bối cảnh của môi trường sống. Những phong tục tập quán trong hôn nhân biểu hiện ở các nghi lễ, quan niệm trao đổi, quà tặng trong hôn nhân, mối quan hệ thân tộc, thích tộc hay các quan niệm khác trong hôn nhân.

Theo kết quả của một số nghiên cứu đã công bố, ở góc nhìn phát triển, hôn nhân xuyên biên giới được xem xét như là một chiến lược sống đối với cả hai phía gia đình cô dâu và chú rể, mang lại lợi ích cho cả hai bên gia đình. Đối với nước nhập cư, hôn nhân xuyên biên giới là một chiến lược sống của các gia đình nông thôn nhằm ứng phó với tình trạng phụ nữ di cư từ vùng nông thôn của các nước kém phát triển hơn sang các vùng

đô thị hoặc sang các nước có trình độ phát triển cao hơn. Kết hôn xuyên biên giới đã trở thành chiến lược của gia đình nông thôn nhằm tiếp tục duy trì các hoạt động sản xuất và tái sản xuất của gia đình (Matthew Amster, 2005). Williams Lucy (2010: 70-71) nhấn mạnh rằng trong một số trường hợp, hôn nhân xuyên biên giới có thể coi là “hôn nhân mang tính chiến lược” với nghĩa là những tính toán về mặt lợi ích là nhân tố quan trọng hàng đầu trong quyết định kết hôn. Đó là những tính toán như cải thiện tình trạng di cư và quyền cư trú thông qua việc giành được quyền tiếp cận thị trường lao động và những lợi ích về kinh tế (bao gồm cả phúc lợi xã hội) thông qua phát triển gia đình và những nguồn lực của cộng đồng. Tuy nhiên, những kỳ vọng của cá nhân và gia đình, ít nhất về mặt kinh tế, đối với hôn nhân xuyên biên giới đã vượt xa so với một cuộc hôn nhân thông thường. Trong một số trường hợp, kết hôn với người nước ngoài là cách thức duy nhất, nhanh nhất để đạt được mục tiêu của họ. Vì vậy, các cá nhân và gia đình chấp nhận nhiều rủi ro, vượt qua nhiều rào cản cả về địa lý, ngôn ngữ, chuẩn mực, tập tục văn hóa hơn so với kết hôn nội địa để kết hôn. Như vậy, theo quan điểm này, hôn nhân xuyên biên giới không chỉ là quyết định của cá nhân mà còn là sự hòa hợp chiến lược của gia đình nhà trai và gia đình nhà gái nhằm đạt được mục tiêu của mình.

Hôn nhân xuyên biên giới là kết quả của các mối tương tác xã hội vùng biên giới, đồng thời nó cũng tạo dựng ra những mối liên hệ mới xuyên biên giới. Hôn nhân xuyên biên giới tạo dựng lên mạng lưới quan hệ xã hội với quy mô không chỉ giữa những người kết hôn, hai bên cha mẹ của người kết hôn mà còn tạo nên các mối quan hệ mới giữa họ hàng người chồng và họ hàng của người vợ. Quan hệ thông gia này tạo nên sự liên kết rộng rãi không bị giới hạn bởi biên giới, cộng đồng tộc người, địa bàn cư trú và đồng thời cũng tạo ra những tương tác xã hội mới thông qua các mối liên hệ giữa những cá nhân, nhóm người trong mối quan hệ xuyên biên giới đó. Một số nghiên cứu cũng đã chỉ ra, các mối liên hệ được xây dựng từ hôn nhân xuyên biên giới đã tạo hành lang cho hôn nhân quốc tế của những người ở không cùng quê hương, không cùng một cộng đồng (Daniele Belanger & Tran Giang Linh, 2011).

Vai trò của nhà nước trong quản lý phát triển xã hội vùng biên

Tiếp cận quản lý phát triển xã hội trong nghiên cứu hôn nhân xuyên biên giới là nghiên cứu những thay đổi, vấn đề mới nảy sinh ở cấp độ gia đình cũng như cấp độ cộng đồng, xã hội do hôn nhân xuyên biên giới tạo ra như những thay đổi về phong tục, chuẩn mực, các vấn đề về quản lý nhân khẩu hay sự nảy sinh hiện tượng buôn bán người ở nước xuất cư và

cả nước nhập cư.

Dưới góc độ quản lý phát triển xã hội, môi trường pháp lý đóng vai trò là các tác nhân hỗ trợ cho việc biến chuẩn mực pháp luật thành quan hệ pháp luật đúng đắn mang lại kết quả đáp ứng yêu cầu mà quản lý đặt ra. Các hành vi của con người thường là những biểu hiện của nhận thức, thái độ và tính hiệu quả của pháp luật trong quản lý xã hội. Trong các trường hợp kết hôn xuyên biên giới, vấn đề hỗ trợ pháp lý, nâng cao nhận thức về pháp luật là hết sức quan trọng, có những ảnh hưởng, tác động trực tiếp tới các chuẩn mực của cộng đồng và hành vi pháp luật của cá nhân trong thực tiễn. Bên cạnh đó, hiệu quả quản lý xã hội còn được thể hiện ở mối quan hệ giữa các hành vi pháp lý với các nhân tố xã hội khác như văn hóa, điều kiện kinh tế xã hội hay hiệu quả thực hiện của các chính sách. Quan điểm này đã được Lenore Lyons & Michele Ford áp dụng trong nghiên cứu về hôn nhân xuyên biên giới diễn ra giữa đàn ông Singapore và phụ nữ Indonesia sống ở đảo Riau (thuộc Indonesia). Phụ nữ ở đảo Riau không có giấy đăng ký kết hôn nhưng họ vẫn đang sống ở đảo nên họ không bị mất quyền công dân và vẫn thường xuyên qua lại biên giới mà không có những giấy tờ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, họ gần như không thể nhập quốc tịch Singapore theo chồng và những hoạt động của họ bị giới hạn trong biên giới Indonesia do những khó khăn trong chính sách nhập cư vào Singapore. Thực tế này đã làm tăng thêm gánh nặng cho người phụ nữ và trẻ em nhập cư ở các vùng giáp ranh giữa các nước có chung đường biên giới. Việc thực thi pháp luật ở vùng biên giới lại còn tùy thuộc khá nhiều vào các quy định thực thi pháp luật của các địa phương. Theo Lenore Lyons và Michele Ford, các cặp vợ chồng kết hôn xuyên biên giới không nằm trong diện được chính phủ khuyến khích và cho phép. Những cuộc hôn nhân này thách thức các giả thuyết trong nghiên cứu cấp vĩ mô về hôn nhân quốc tế, về quyền lực của nhà nước đối với việc thành lập gia đình và tầm quan trọng của quyền công dân trong các hoạt động hàng ngày. Nhà nước không hoàn toàn vắng mặt trong cuộc sống của những người phụ nữ kết hôn xuyên biên giới nhưng cũng không hiện diện ở mọi hoạt động. Nhà nước chỉ đóng vai trò là một trong các nhân tố mà những phụ nữ kết hôn xuyên biên giới và bạn đời họ cần nhắc xem xét khi quyết định cách thức sống của họ ở vùng biên (Lenore Lyons & Michele Ford, 2008).

Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội không chỉ liên quan tới các quan hệ xã hội, mà điểm mấu chốt là các quan hệ lợi ích trong sự chi phối, tác động của các quan hệ quyền lực và các mô hình thể chế thực hiện quyền lực để thực hiện lợi ích đạt tới sự ổn định và phát triển trong xã hội.

Thực tiễn cho thấy, những vấn đề phát sinh về mặt xã hội, một mặt là hệ quả từ chính sách phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa... mặt khác lại làm nảy sinh các vấn đề xã hội mới cần phải giải quyết. Như vậy, văn hóa là một yếu tố máu chốt trong phát triển xã hội, phát triển xã hội luôn luôn phải xuất phát từ con người, coi con người là mục tiêu và động lực của phát triển. Chủ thể của phát triển là cá nhân và cộng đồng, nội dung của phát triển là giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình vận động của xã hội. Do vậy, nghiên cứu hôn nhân xuyên biên giới dưới góc độ quản lý phát triển xã hội được đặt trong bối cảnh phát triển của mỗi cá nhân, cộng đồng và quốc gia.

4. Kết luận

Hôn nhân xuyên biên giới là một hiện tượng đã diễn ra trong lịch sử và đang có xu hướng gia tăng trong bối cảnh phát triển, toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay. Về mặt lý luận, hôn nhân xuyên biên giới là các cuộc hôn nhân giữa các nước có chung đường biên giới, là biểu hiện quan trọng của tương tác văn hóa xuyên quốc gia với hình thức tương tác của các cá nhân thông qua hôn nhân. Quan hệ hôn nhân vùng biên giới được coi là tất yếu trong một vùng văn hóa không bị chia cắt bởi đường biên giới quốc gia, là biểu hiện của văn hoá xuyên biên giới do các dân tộc có cùng chung một nguồn gốc tộc người với những văn hoá đặc thù của cộng đồng dân tộc ở vùng biên giới.

Dưới góc độ phát triển xã hội, hôn nhân xuyên biên giới được nhìn nhận với cả yếu tố tích cực cũng như những vấn đề nảy sinh của nó trong quá trình tương tác, phát triển của xã hội. Một mặt, nó tăng cường sự giao lưu, hợp tác và phát triển của các cộng đồng dân tộc hai bên biên giới, mở rộng và phát triển quan hệ văn hoá, khai thác các thế mạnh về tài nguyên văn hoá để phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Nhưng các tương tác hôn nhân xuyên biên giới lại đang diễn ra hết sức phức tạp, đặt ra những vấn đề mới, những thách thức mới, đặc biệt là trong quản lý và phát triển xã hội.

Tiếp cận nghiên cứu hôn nhân xuyên biên giới ở các tỉnh miền núi nước ta được đặt ra trong bối cảnh vùng biên giới là địa bàn cư trú chủ yếu của các dân tộc thiểu số, có mối quan hệ lâu đời, gắn bó với đồng tộc của họ ở bên kia biên giới. Do vậy, nghiên cứu hôn nhân xuyên biên giới ở các tỉnh miền núi nước ta, trước hết cần quan tâm đến các đặc trưng văn hoá tộc người và các tương tác xã hội ở vùng biên giới. Các cuộc hôn nhân xuyên biên giới không chỉ là những biểu hiện của văn hoá mà còn là những chiến lược di cư hướng tới các lựa chọn mang tính tích cực cho cá nhân và hộ gia đình. Bên cạnh đó, những vấn đề xã hội hiện đang nảy sinh

cùng với xu hướng phát triển và toàn cầu hoá. Ngoài ra, cũng cần nhìn nhận vấn đề hôn nhân xuyên biên giới dưới góc độ quản lý do có rất nhiều vấn đề phức tạp đang xảy ra ở vùng biên giới mà ở đó các phương thức quản lý nhà nước dường như còn ít hiệu quả và luôn có diễn biến phức tạp trong mối quan hệ giữa nhà nước, cộng đồng, cá nhân bị ảnh hưởng nhiều bởi phong tục tập quán, các yếu tố hiện đại hoá, toàn cầu hoá ở vùng biên hiện nay. ■

Tài liệu trích dẫn

- Andrew Walker. 1999. *The legend of the golden boat: Regulation, trade and traders in the borderlands of Laos, Thailand, China and Burma*. Honolulu: University of Hawaii Press.
- C. Julia Huang và Kuang-ting Chuang. 2007. “Tranh luận với quan niệm về hiện tượng xuyên quốc gia: Một vài nhận xét ban đầu về những nữ di dân người Việt lấy chồng ở Đài Loan và miền Nam Việt Nam”. Trong: *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam- Những cách tiếp cận nhân học*. Lương Văn Hy (Chủ biên). Nxb. Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh. Tr.521-534.
- Caroline Grillot. 2012. “Cross-border marriages between Vietnamese Women and Chinese men: The intergration of otherness and the impact of popular representations”. In: David Haines, Keiko Yamanaka & Shinji Yamashita (Eds.), *Wind over water: migration in an east Asian context* (pp. 125-137). New York: Berghahn Books.
- Daniele Belanger & Tran Giang Linh. 2011. “The impact of transnational migration on gender and marriage in sending communities of Vietnam”. *Current Sociology*, 59, 59-77.
- Hastings Donnan & Thomas Wilson. 1999. *Borders: frontiers of identity, nation and state*. Oxford: Berg.
- Lenore Lyons & Michele Ford. 2008. “Love, sex and the spaces in-between: Kepri wives and their cross-border husbands”. *Citizenship Studies*, 12, 55-72.
- Lucy Williams & Mei-Kuei Yu. 2006. “Domestic violence in cross-border marriage - A case study from Taiwan”. *International Journal of Migration, Health and Social Care*, 2 (3/4), 58-69.
- Matthew Amster. 2005. “Cross-Border Marriage in the Kelabit Highlands of Borneo”. *Anthropological Forum*, 15, 131-150.
- Melody Chia - Wen Lu. 2007. “Transnational marriage in Asia”. *International Institute of Asian Studies Newsletter*, 45, 3.
- Mizanur Rahman. 2009. “Temporary Migration and Changing Family Dynamics: Implications for Social Development”. *Population, Space and Place*, 15, 161-174.
- Nicola Piper. 2009. “The Complex Interconnections of the Migration-Development Nexus: a Social Perspective”. *Population Space and Place*, 15,